

DANH SÁCH
Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường Trung học phổ thông Chuyên Cao Bằng năm học 2025 - 2026
Khóa ngày 03 tháng 6 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Môn chuyên: Hóa học

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Điểm môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển
1	09.251	ĐINH NGỌC GIA KHIÊM	Nam	Tày	14/08/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	7.75	8.75	9.00	42.75
2	09.363	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	Kinh	24/09/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.50	7.25	9.00	8.50	41.75
3	09.414	NGUYỄN ĐOÀN PHONG	Nam	Tày	24/07/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.25	8.50	8.00	41.00
4	09.431	LƯƠNG TRÚC QUỲNH	Nữ	Tày	01/10/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Thông Nông	9.00	7.25	8.75	7.75	40.50
5	09.325	LÝ NHẬT MINH	Nam	Nùng	24/06/2010	Cao Bằng	THCS Thị Trấn Tà Lùng	9.25	8.00	6.50	8.00	39.75
6	09.238	ĐÀM BẢO KHÁNH	Nam	Tày	06/04/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	8.75	7.25	7.50	8.00	39.50
7	09.438	RIÊU TUẤN SƠN	Nam	Tày	19/09/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	8.00	8.75	6.75	38.25
8	09.079	ĐÀM MINH CHÂU	Nam	Tày	01/01/2010	Cao Bằng	THCS Nước Hai	7.75	7.25	8.00	7.50	38.00
9	09.280	HOÀNG DIỆU LINH	Nữ	Nùng	04/01/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Thông Nông	9.00	7.50	9.25	5.75	37.25
10	09.282	LẠI THỊ KHÁNH LINH	Nữ	Kinh	20/04/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	8.00	7.25	7.00	37.25
11	09.196	MÔNG VĂN HUÂN	Nam	Nùng	06/07/2010	Cao Bằng	THCS Cao Bình	8.00	7.75	8.00	6.50	36.75
12	09.007	NGÔ THÁI AN	Nam	Kinh	05/03/2010	Hà Giang	THCS Hợp Giang	9.50	5.50	8.75	6.25	36.25
13	09.142	NÔNG ANH ĐỨC	Nam	Tày	16/04/2010	Cao Bằng	THCS Phục Hòa	8.50	6.00	8.25	6.75	36.25
14	09.385	NÔNG THẢO NGUYỄN	Nữ	Tày	15/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Thông Nông	8.25	8.50	7.50	6.00	36.25
15	09.316	TRIỆU LÂM MAI	Nữ	Nùng	18/03/2010	Cao Bằng	THCS Cao Bình	8.00	9.00	8.25	5.25	35.75
16	09.162	NGUYỄN HOÀNG BẢO HÂN	Nữ	Tày	20/11/2010	Cao Bằng	THCS Đề Thám	8.25	8.75	9.00	4.75	35.50
17	09.116	NÔNG ĐOÀN TIẾN DŨNG	Nam	Tày	29/11/2010	Cao Bằng	THCS Cao Bình	8.25	6.00	8.00	6.50	35.25
18	09.175	CÙ TRUNG HIẾU	Nam	Kinh	28/02/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	8.25	7.25	7.50	6.00	35.00
19	09.467	LỤC ANH THU	Nữ	Tày	18/01/2010	Cao Bằng	THCS Chu Trinh	7.75	6.25	7.50	6.75	35.00
20	09.223	ĐỖ ĐỨC HUY	Nam	Tày	11/03/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	6.50	9.00	5.25	34.25
21	09.366	PHẠM MAI NGÂN	Nữ	Tày	25/03/2010	Cao Bằng	THCS Nước Hai	8.50	7.50	6.00	6.00	34.00
22	09.138	ĐÀM MINH ĐỨC	Nam	Tày	01/10/2010	Cao Bằng	THCS Tân Giang	8.25	6.50	7.00	6.00	33.75

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Điểm môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển
23	09.306	TRIỆU MAI LY	Nữ	Nùng	16/02/2010	Cao Bằng	THCS Quảng Uyên	8.50	7.25	5.75	6.00	33.50
24	09.519	ĐOÀN SƠN TÙNG	Nam	Tày	31/12/2010	Bắc Kạn	THCS Đề Thám	8.25	6.00	8.75	5.25	33.50
25	09.017	ĐỒNG HẢI ANH	Nữ	Nùng	24/04/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	8.00	6.75	7.50	5.25	32.75
26	09.181	BẾ ÍCH HOÀI	Nam	Tày	05/02/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.25	8.50	3.75	32.50
27	09.456	HOÀNG VĨNH THỊNH	Nam	Tày	06/08/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	6.00	8.50	5.00	32.50
28	09.019	HOÀNG KIỀU ANH	Nữ	Nùng	14/11/2010	Cao Bằng	THCS Quảng Uyên	8.00	7.50	4.25	5.75	31.25
29	09.420	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	Nam	Kinh	11/09/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	7.50	7.50	4.00	31.25
30	09.093	ĐÀM YẾN CHI	Nữ	Nùng	06/11/2010	Cao Bằng	THCS Phục Hòa	6.25	8.50	6.25	5.00	31.00
31	09.110	LONG BÍCH DIỆP	Nữ	Nùng	21/10/2010	Cao Bằng	THCS Quảng Uyên	8.25	7.50	5.50	4.75	30.75
32	09.268	PHẠM VŨ THANH LÂM	Nam	Kinh	11/07/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.50	7.25	8.00	3.00	30.75
33	09.198	LƯƠNG THỊ NGỌC HUỆ	Nữ	Tày	01/01/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Khê	8.25	8.25	6.00	4.00	30.50
34	09.296	LÝ HOÀNG LONG	Nam	Nùng	23/06/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	7.50	8.50	3.25	30.50
35	09.300	LÊ QUANG LƯỢNG	Nam	Tày	10/03/2010	Cao Bằng	THCS Hùng Quốc	8.50	6.50	6.00	4.75	30.50

Danh sách gồm 35 học sinh./.